

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng và BĐS

[Thông tin doanh nghiệp]

HBC, HAX

[Cập nhật công ty]

NLG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh các quyết định mua đuổi, linh hoạt bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự và chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ.

15/8/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,274.20	+0.94
VN30	1,293.79	+1.00
HĐTL VN30F1M	1,293.00	+1.01
HNXIndex	303.97	+0.18
HNX30	563.51	+0.27
UPCoM	92.64	-0.22
USD/VND	23,399	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.48	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.42	-28
Dầu (WTI, \$)	89.69	-2.61
Vàng (LME, \$)	1,783.10	-1.07



Điểm nhấn thị trường

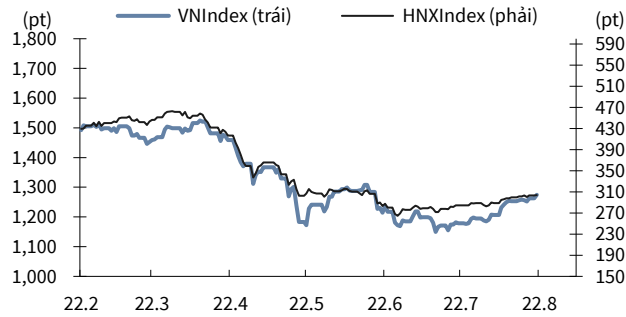
VNIndex	1,274.20 (+0.94%)
KLGD (triệu CP)	634.2 (+32.9%)
GTGD (triệu U\$)	662.8 (+18.8%)
HNXIndex	303.97 (+0.18%)
KLGD (triệu CP)	81.1 (+15.1%)
GTGD (triệu U\$)	68.5 (+9.5%)
UPCoM	92.64 (-0.22%)
KLGD (triệu CP)	36.6 (-52.4%)
GTGD (triệu U\$)	27.1 (-6.4%)
NĐTNN mua ròng (triệu U\$)	+2.7

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực trong phiên hôm nay với thanh khoản cải thiện. Nhóm ngân hàng và bất động sản tiếp tục là nhóm dẫn dắt cho đà tăng của thị trường. Khối ngoại mua ròng ở HPG (+0.2%), HDB (+3.5%), CTG (+2.8%). Hạ viện Mỹ mới đây đã thông qua Đạo luật Giảm lạm phát trong đó có khoản đầu tư gần 370 tỷ USD vào năng lượng tái tạo, các chương trình bảo vệ môi trường. Trong khi đó, tại Trung Quốc, PBoC đã hạ lãi suất trung hạn đối với khoản vay trị giá 400 tỷ nhân dân tệ xuống 2.75% và hạ lãi suất hợp đồng mua lại kỳ hạn một tuần xuống ngưỡng 2%

OPEC cho hay sản lượng của 13 nước thành viên của nhóm này trong tháng 7 đã tăng thêm 216.000 thùng/ngày so với tháng trước đó, đạt tổng cộng 28,896 triệu thùng/ngày, nhờ nguồn cung gia tăng tại 7 nước thành viên và tồn kho tại EU, tác động tiêu cực đến cổ phiếu dầu khí ở GAS (-0.3%).

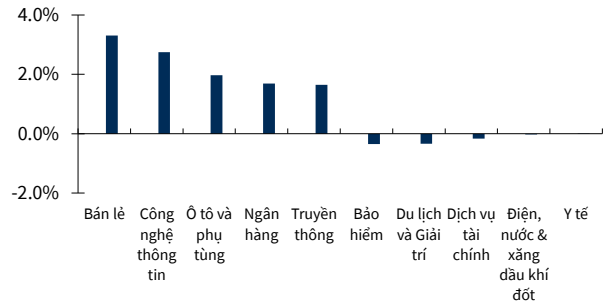
Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), lũy kế 7T/2022, sản lượng sản xuất thép thành phẩm đạt trên 18.8 triệu tấn, giảm 3.7% YoY, sản lượng bán hàng thép thành phẩm đạt 17.1 triệu tấn (-1.2% YoY), trong đó sản lượng xuất khẩu đạt 4.14 triệu tấn (-1.5% YoY) khiến cổ phiếu thép giảm giá ở HSG (-0.7%), SMC (-0.3%).

VNIndex & HNXIndex



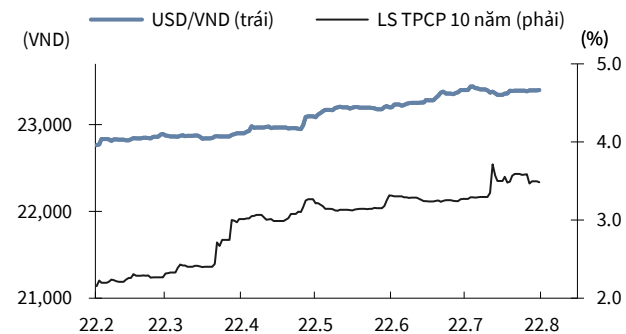
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



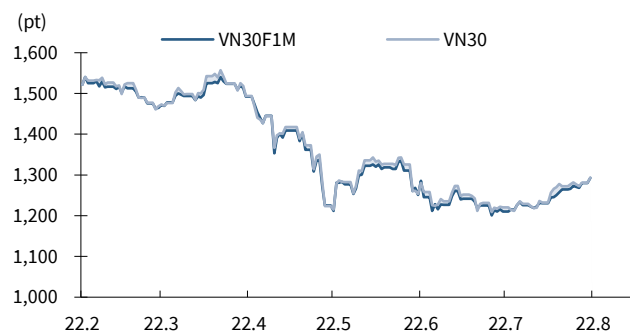
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,293.79 (+1.00%)
VN30F1M	1,293.0 (+1.01%)
Mở cửa	1,285.2
Cao nhất	1,294.5
Thấp nhất	1,284.7
KLGD (HĐ)	187,026 (+9.9%)

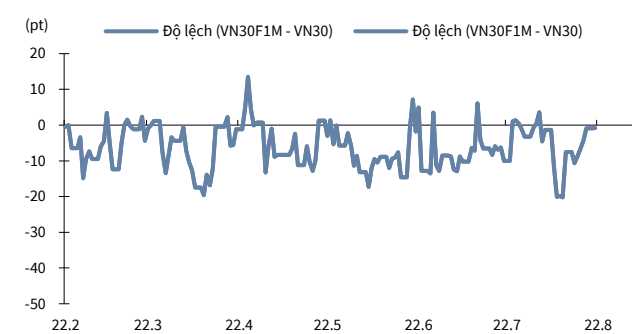
Các HĐTL tăng điểm trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng và BĐS ở thị trường cơ sở. Chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 đạt cao nhất phiên trong đầu phiên sang lên mức 5.94 điểm sau đó giảm dần và biến động giằng co quanh mức 0, đóng cửa ở mức -0.79 điểm. Khối ngoại bán ròng mạnh với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



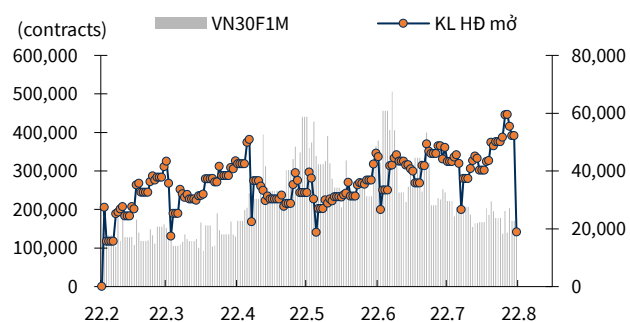
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



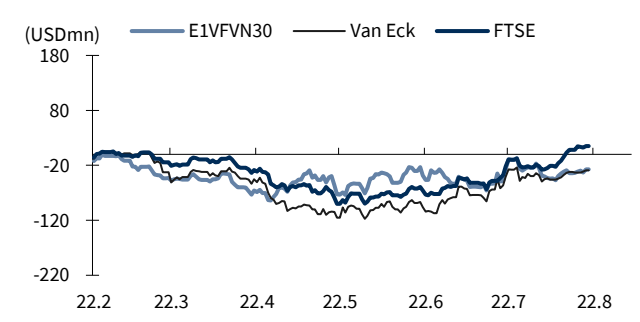
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

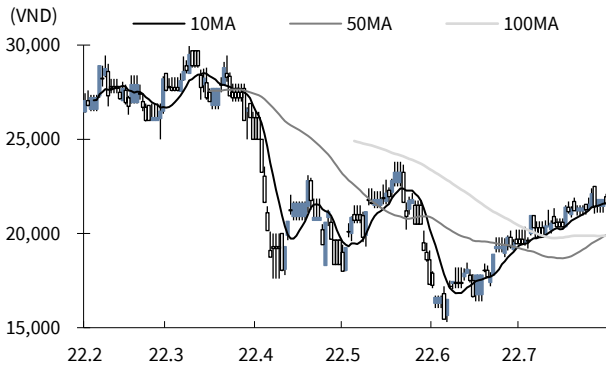
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)

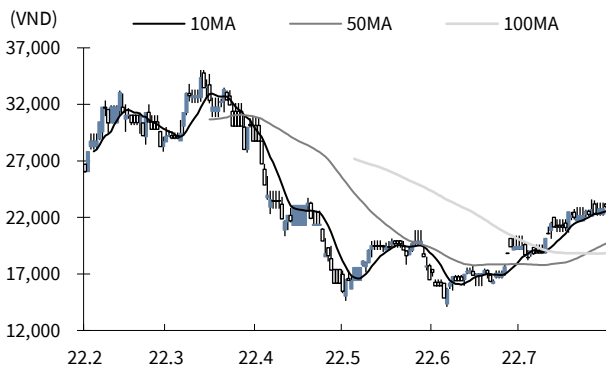


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC giảm 0.92% xuống 21,600 VND/cp

- Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình cho biết tính đến hết T7/2022 đã trúng thầu 15,000 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch cả năm và tổng giá trị các hợp đồng đã ký (backlog) tại thời điểm 30/6 là 26,500 tỷ đồng. Trong đó, 10,000 tỷ đồng sẽ được ghi nhận doanh thu năm 2022 và 16,500 tỷ đồng dự kiến ghi nhận năm 2023. Theo đó, khả năng đạt kế hoạch doanh thu năm 2022 là khả thi (khoảng 750 - 800 triệu USD, tương ứng 18,000 - 19,000 tỷ đồng).

CTCP Dịch Vụ Ô Tô Hàng Xanh (HAX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAX tăng 0.88% lên 22,950 VND/cp

- Haxaco thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc chủ trương dự án khu căn hộ cao tầng N&T Tower của Công ty cổ phần đầu tư N&T và ông Bùi Trung Quân với tổng số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tối đa 470 tỷ đồng. Phần đất nhằm mục đích phát triển dự án khu phức hợp kinh doanh ô tô kết hợp văn phòng, căn hộ cao cấp có diện tích 5,798 m².



NAM LONG (NLG)

Duy trì kết quả bán hàng khả quan

15/08/2022

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Hoạt động bán hàng trong quý 2/2022 duy trì kết quả tốt

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh số bán hàng đạt 8,410 tỷ VND, tăng 87% so với cùng kỳ, đến từ các dự án Mizuki Park, Akari City, Izumi City, Southgate và Cần Thơ. Các dự án mở bán trong quý đều ghi nhận tỷ lệ hấp thụ cao đạt 70%, riêng dự án Izumi City và Cần Thơ 100% số sản phẩm mở bán được bán hết.

Kết quả bán hàng tham vọng cho nửa cuối năm 2022

Trong nửa cuối năm 2022, Nam Long dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh bán hàng tại các dự án Mizuki, Akari (giai đoạn 2), Southgate, Cần Thơ và Izumi City với doanh số kì vọng đạt 11,530 tỷ. Cùng với đó, Nam Long dự kiến mở bán lần đầu tiên dự án Paragon Đại Phước với hơn 200 sản phẩm trong lần mở bán này với giá trị hợp đồng ước tính đạt hơn 4,300 tỷ VND.

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng trong các năm tới. Lợi nhuận năm 2022 được hỗ trợ bởi 340 tỷ VND lợi nhuận tài chính từ chuyển nhượng 50% dự án Paragon Đại Phước. Chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2022 đạt lần lượt 5,893 tỷ VND (+13% YoY) và 1,247 tỷ VND (+16% YoY). Cho năm 2023, chúng tôi ước tính doanh thu của NLG đạt 6,461 tỷ VND (+10% yoy) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,552 tỷ VND (+24% yoy).

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 61,500VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 61,500VND/cổ phiếu, cao hơn 42% so với giá đóng cửa ngày 15/08/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu 61,500 VND

Tăng/giảm (%)	42%
Giá hiện tại (15/08/2022)	43,200 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	56,800 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	16.5/0.7

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,217	5,206	5,893	6,461
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,002	1,205	2,213	2,050
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	835	1,071	1,247	1,552
EPS (VND)	2,780	2,686	3,256	4,053
Tăng trưởng EPS (%)	-21	-3	21	24
P/E (x)	16.98	17.57	14.76	11.86
P/B (x)	2.40	2.02	1.21	1.11
ROE (%)	13	11	12	13
Tỷ suất cổ tức (%)	2	1	1	

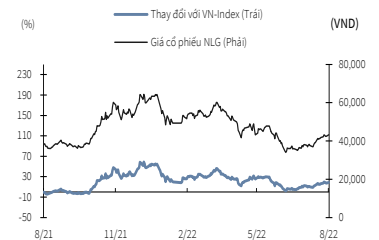
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	54.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	84.9/3.7
Sở hữu nước ngoài (%)	9.2%
Cổ đông lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (11.87%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	14	-2	-18	12
Tương đối	6	-11	-3	-30

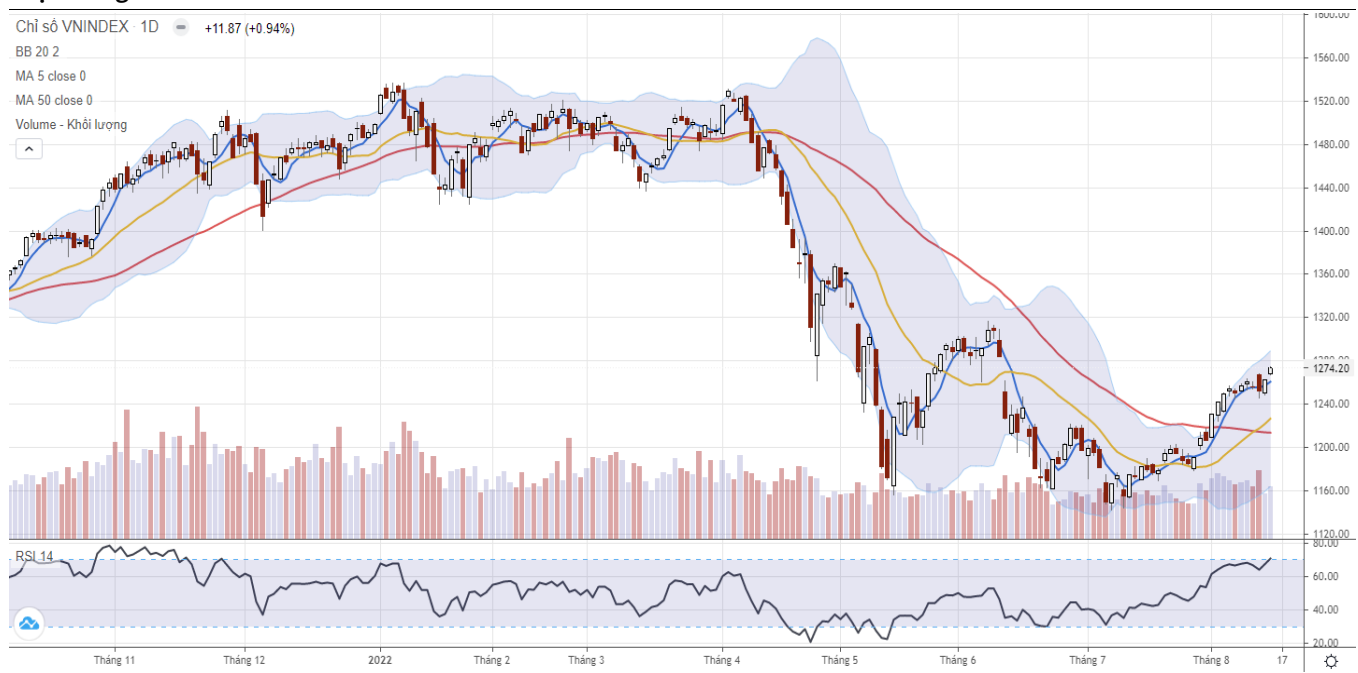


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

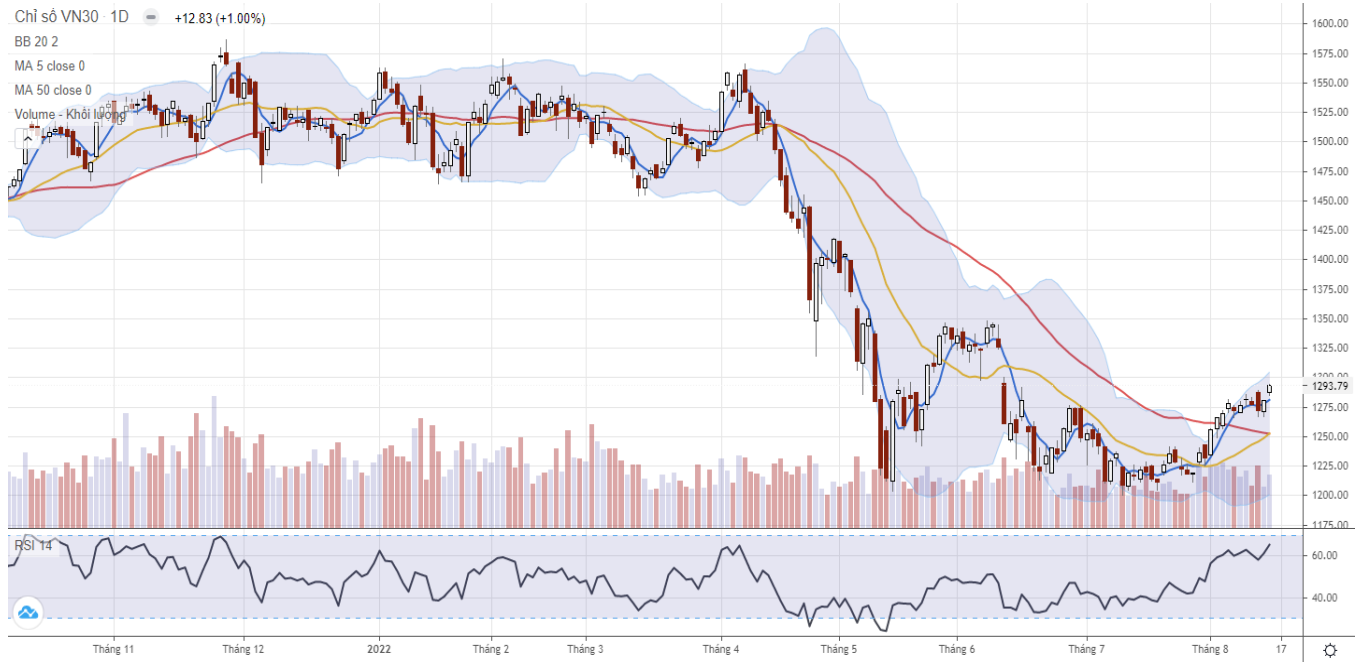
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



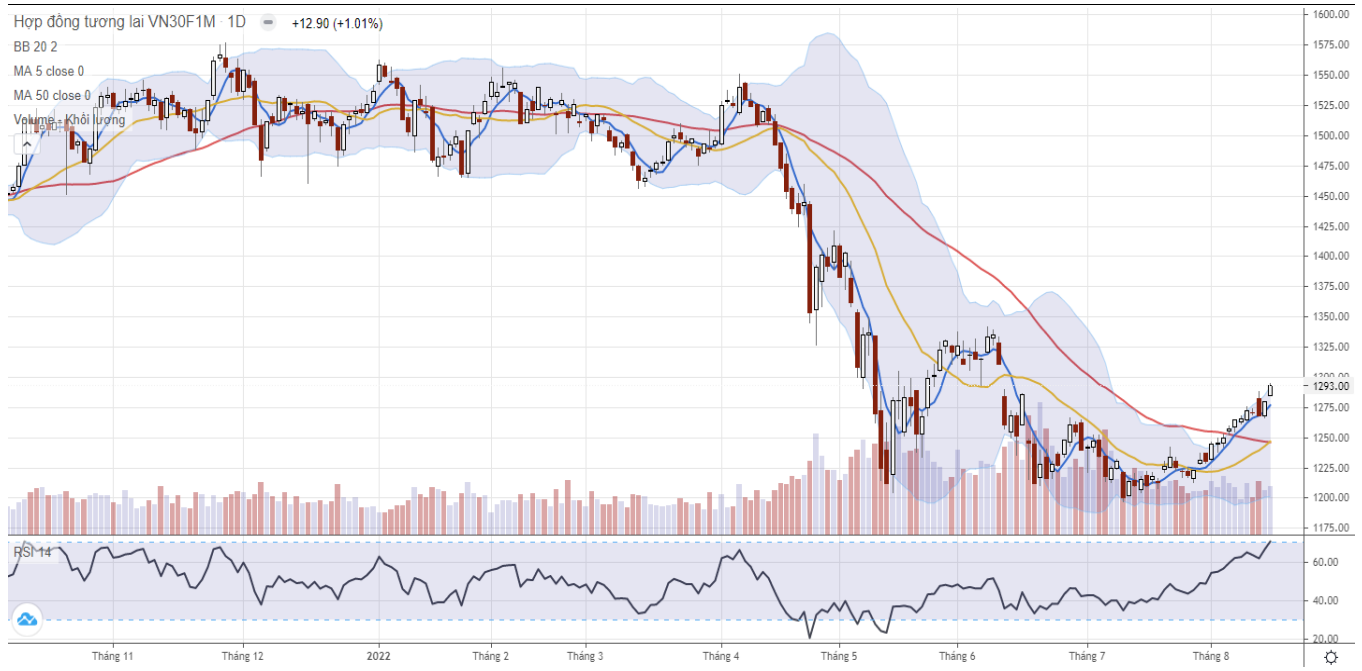
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến tăng điểm trời sập trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Lực cầu gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số mở rộng đà hồi phục tích cực và tiếp tục hướng lên ngưỡng cản gần quanh 127x, tương ứng với đường MA100. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNIndex sẽ sớm phải đối mặt với rủi ro điều chỉnh nếu xuất hiện các phiên phân phối lớn hoặc tăng điểm nhưng đi kèm sự sụt giảm của KLGD.
- NĐT được khuyến nghị tránh các quyết định mua đuổi, linh hoạt bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự và chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1308 - 1310

Kháng cự gần: 1297 - 1302

Hỗ trợ gần: 1280 - 1283

Hỗ trợ xa: 1271 - 1274

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 diễn biến tăng điểm trời sục trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
 - Lực cầu gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số mở rộng đà hồi phục tích cực và tiếp tục hướng lên ngưỡng cản gần quanh 129x. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 sẽ sớm phải đối mặt với rủi ro điều chỉnh nếu xuất hiện các phiên phân phối lớn hoặc tăng điểm nhưng đi kèm sự sụt giảm của KLGĐ.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Kê bán thăm dò một phần tỷ trọng tại vùng kháng cự xa.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

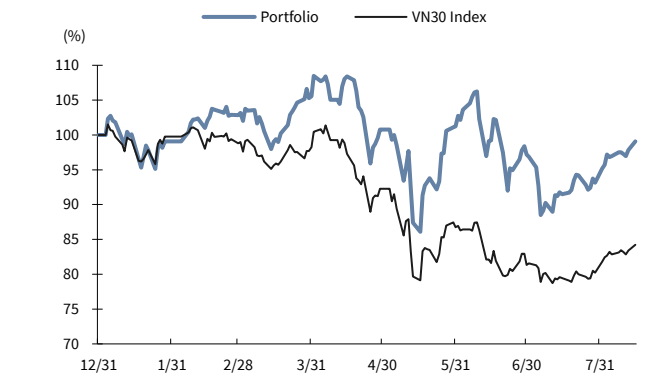
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.00%	1.28%
Tăng lũy kế (YTD)	-15.75%	-0.92%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	65,000	3.2%	68.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	25,500	-0.4%	-10.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	114,700	1.1%	49.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	186,000	-0.1%	-3.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	83,600	3.7%	182.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	88,900	2.8%	266.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,450	2.8%	55.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,000	-0.3%	55.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,000	0.2%	115.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,300	-0.3%	272.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.2%	20.1%	184.1
HDB	3.5%	17.4%	62.4
CTG	2.8%	26.8%	50.6
NVL	0.4%	5.7%	35.0
SHB	6.7%	4.1%	29.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.6%	54.6%	-107.8
SSI	-0.6%	24.9%	-42.0
VJC	0.1%	16.8%	-4.1
KBC	-0.3%	19.7%	-19.1
STB	0.0%	22.9%	-24.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.8%	9.0%	37.1
APS	-0.6%	0.8%	3.3
IDC	0.2%	2.2%	2.3
PCG	1.4%	43.8%	0.3
ART	0.0%	0.5%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	3.6%	3.1%	-12.7
SHS	0.7%	7.0%	-1.7
NVB	0.0%	12.1%	-1.1
THD	1.0%	1.3%	-0.6
CAP	0.0%	1.7%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	3.9%	MWG, FRT
Ô tô và phụ tùng	3.7%	SVC, TCH
Công nghệ thông tin	3.6%	FPT, CMG
Xây dựng và Vật Liệu	2.9%	VGC, CII
Thực phẩm và đồ uống	1.6%	MSN, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.6%	YEG, PNC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.5%	PNJ, STK
Hóa chất	-0.5%	GVR, DCM
Bảo hiểm	-0.5%	BVH, PGI
Du lịch và Giải trí	-0.3%	VJC, VNG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	13.8%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	12.6%	VGC, VCG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.2%	GAS, POW
Ngân hàng	9.8%	VCB, BID
Bán lẻ	9.4%	MWG, DGW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	1.7%	IMP, DBD
Bảo hiểm	2.1%	PGI, BMI
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.7%	MSH, GMC
Du lịch và Giải trí	3.6%	RIC, TCT
Truyền thông	4.2%	YEG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	66,723 (2.9)	22.5	276.7	107.3	14.7	8.4	2.3	2.5	2.4	0.3	2.8	-4.6	-30.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	128,591 (5.5)	26.6	8.6	7.2	35.9	21.6	21.6	1.8	1.5	0.5	0.0	2.5	-25.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	40,800 (1.7)	17.8	29.1	19.0	-7.6	8.1	10.3	2.1	1.9	0.7	3.0	12.8	-1.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	189,310 (8.1)	31.3	29.2	23.1	6.7	15.1	16.4	4.0	3.5	0.4	0.0	11.1	-10.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,830 (1.3)	11.6	20.0	17.1	13.7	12.9	16.3	2.4	2.0	0.0	0.5	6.7	-16.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	240,579 (10.3)	13.9	15.0	14.8	-	13.5	11.6	1.7	1.7	0.0	4.5	27.6	-20.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	88,382 (3.8)	6.3	14.7	12.2	11.7	21.2	21.5	2.8	2.3	0.2	-0.2	13.1	3.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	67,935 (2.9)	12.7	15.7	12.7	-5.3	15.7	17.1	2.1	1.8	4.6	5.7	14.5	10.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	163,787 (7.0)	0.0	6.3	5.4	14.3	20.8	19.9	1.2	1.0	0.8	-0.3	8.3	-21.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	119,626 (5.1)	1.4	7.7	6.4	50.3	18.1	20.5	1.3	1.1	2.8	1.6	9.1	-13.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	339,414 (14.5)	0.0	7.5	7.0	18.8	20.7	17.2	1.4	1.1	1.5	1.2	7.4	-15.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	203,973 (8.7)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.7	22.7	1.4	1.1	1.1	0.9	7.5	-5.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	49,751 (2.1)	4.2	7.3	6.0	23.3	22.9	22.3	1.4	1.2	3.5	5.2	11.4	-14.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	333,551 (14.3)	14.0	12.3	8.1	26.5	11.5	15.5	1.3	1.1	0.0	1.4	11.5	-18.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	63,303 (2.7)	0.0	10.4	6.1	37.4	22.3	22.4	1.4	1.1	1.2	1.4	6.8	-29.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,826 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	0.2	-0.7	-3.1	-11.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	68,324 (2.9)	21.0	18.1	14.9	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	-0.5	-1.4	2.5	3.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,376 (0.3)	14.2	14.6	11.8	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	0.0	1.5	3.5	-31.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	467,566 (20.0)	55.4	9.0	8.4	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	-0.6	0.4	17.3	-49.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	243,046 (10.4)	71.9	10.1	9.7	-4.0	24.7	20.6	2.1	1.9	-3.1	0.9	22.1	-36.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	213,046 (9.1)	52.4	9.6	9.3	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-0.7	-0.7	12.0	-40.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	476,237 (20.4)	27.2	9.6	8.2	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	-0.2	1.4	18.8	-32.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	138,116 (5.9)	42.1	16.7	15.3	4.0	27.7	29.2	4.4	4.2	-0.6	-1.0	-0.1	-17.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,870 (1.3)	36.9	27.3	23.1	7.3	20.4	21.5	5.0	4.5	2.2	2.8	20.8	23.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	85,626 (3.7)	16.5	25.3	20.2	-51.9	17.4	19.2	4.0	3.4	1.2	3.5	7.2	-23.9
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	97,513 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.2	6.1	11.6	-42.0	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,708 (2.9)	11.0	51.9	18.2	-88.5	8.9	21.6	-	-	0.1	-0.6	-0.2	-3.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	58,244 (2.5)	10.8	19.2	15.6	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.1	1.4	1.0	7.1	11.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	128,576 (5.5)	38.4	8.3	40.4	65.7	14.1	2.6	1.1	1.1	0.9	11.5	21.5	-48.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	21,203 (0.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	-3.8	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	226,511 (9.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.6	0.6	16.8	-39.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	48,282 (2.1)	3.6	62.2	16.8	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	1.3	0.0	6.8	-42.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	91,621 (3.9)	0.0	12.6	11.4	-4.5	16.0	14.2	1.9	1.9	3.7	2.0	7.3	39.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	63,591 (2.7)	46.1	15.6	15.7	-17.5	24.4	22.6	3.7	3.4	-0.3	2.7	16.9	18.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	34,663 (1.5)	31.4	11.5	10.8	-10.5	16.6	16.0	1.7	1.6	2.9	-1.5	11.3	1.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,214 (0.1)	34.1	29.1	12.3	-5.1	6.5	14.9	1.2	1.1	0.0	0.6	3.2	-26.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	677,138 (29.0)	18.0	5.3	5.2	21.9	27.7	22.0	1.2	1.0	0.2	1.7	3.4	-32.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	128,034 (5.5)	36.5	4.7	7.5	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	2.1	-1.4	-5.0	-4.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	115,440 (4.9)	46.5	6.2	8.9	-4.5	35.7	20.6	1.8	1.7	1.1	-2.4	9.9	-10.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	186,230 (8.0)	38.9	4.5	5.2	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	-0.7	3.9	18.4	-42.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	69,357 (3.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.8	-2.0	5.0	-37.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	40,288 (1.7)	4.6	19.6	16.0	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	0.4	-0.8	5.8	-21.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	120,926 (5.2)	39.9	84.2	18.0	-11.9	0.9	4.4	0.8	0.7	1.6	6.7	25.0	-14.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	40,754 (1.7)	35.9	8.3	7.5	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	0.0	0.2	11.1	-12.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	200,982 (8.6)	0.0	15.7	13.2	14.4	25.7	25.8	3.2	2.5	3.2	3.3	5.7	-4.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	66,230 (2.8)	0.0	16.5	13.5	2.4	24.6	23.5	3.2	2.6	1.1	-1.7	1.1	19.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,995 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.7	-2.8	0.8	-6.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	134,868 (5.8)	30.3	18.8	16.3	-75.2	30.0	27.0	5.0	4.0	3.8	9.5	19.8	31.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	42,014 (1.8)	34.6	9.5	12.2	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	0.6	-1.4	7.8	-3.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	910 (0.0)	45.4	14.4	13.3	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	-0.5	0.8	4.7	-18.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	155,200 (6.6)	0.0	18.6	15.3	15.5	26.8	28.3	4.7	4.0	2.8	3.4	8.2	14.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.